

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2022/HNGĐ - ST

Ngày 31-8-2022

V/v Tranh chấp hôn nhân
và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình La.

2. Bà Kiều Thị Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thu H, sinh năm 1990, (Có mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Doãn Văn L, sinh năm 1985, (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 30 tháng 3 năm 2022, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Thu H trình bày: Chị và anh Doãn Văn L đăng ký kết hôn vào ngày 08 tháng 02 năm 2011. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện TD, tỉnh

Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu và chung sống với gia đình anh L. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng vào khoảng tháng 4 năm 2017. Nguyên nhân do anh L luôn chơi bời, cờ bạc, nợ nần chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh L không nghe nên chị và con đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ tháng 4 năm 2017 và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không có dàn xếp gì. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh Lập có 01 con chung là cháu Doãn Thu P, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2011. Hiện cháu đang ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P. Chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản có cho vay, khoản nợ, công sức và đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Doãn Văn L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập của Tòa án, được Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tuy nhiên, anh Doãn Văn L đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại đơn đề nghị đề ngày 12 tháng 8 năm 2022 anh Doãn Văn L xác nhận về thời gian chị H anh L kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thời gian vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng như chị Hoàng trình bày là đúng. Nay chị H xin ly hôn anh L cũng đồng ý.

Về con chung: Anh L xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Doãn Thu P, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2011. Hiện cháu P đang ở với chị H. Ly hôn anh đề chị H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản có cho vay, khoản nợ, công sức và đất canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Thu H và anh Doãn Văn L. Về con chung: Giao con chung là cháu Doãn Thu P, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2011 cho chị Bùi Thị Thu H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, tài sản

riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Bùi Thị Thu H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện TD giải quyết tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung với anh Doãn Văn L có địa chỉ tại Thôn N, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TD theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Doãn Văn L đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc thuộc trường hợp bị đơn cố tình vắng mặt theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn anh Doãn Văn L đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[4] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Thu H và Doãn Văn L là hợp pháp. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Qua xác minh tại địa phương cung cấp nguyên nhân mâu thuẫn do anh L chơi bời, không tu chí làm ăn. Đến khoảng năm 2017 chị H và con đã về gia đình bố mẹ đẻ chị ở. Vợ chồng ly thân từ thời gian đó cho đến nay, không có dàn xếp gì. Trong thời gian ly thân, cả hai bên đều không có biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa chị H và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị H anh L thuận tình ly hôn là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được ghi nhận.

[5] Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung là cháu Doãn Thu P, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2011. Hiện cháu đang ở với chị H. Ly hôn, chị H anh L đều thống nhất để chị H được quyền tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P. Việc thống nhất về giao nuôi con giữa chị H và anh L là tự nguyện phù hợp với nguyện vọng của cháu Doãn Thu P, phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, do anh L vắng mặt nên không biết quan điểm của anh L về cấp dưỡng

nuôi con như thế nào. Vì vậy cần giao cháu P cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản có cho vay, khoản nợ, công sức và đất canh tác: Chị H anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị Thu H và anh Doãn Văn L tự nguyện ly hôn, nuôi con nên theo hướng dẫn tại Công văn 02/TANDTC - PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp một số vướng mắc trong xét xử, thì các đương sự chỉ phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn, nuôi con (mỗi bên phải chịu 25% mức án phí quy định). Tại phiên tòa chị Bùi Thị Thu H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Thu H và anh Doãn Văn L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Doãn Thu P, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2011 cho chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị Thu H phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0002989 ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TD. Hoàn trả lại chị H 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng

mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- UBND xã H;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Trần Tiến Dũng